

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 337/2024/DS-ST
Ngày 30-9-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hội"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Duyên Văn Hiền**

2. Ông **Huỳnh Văn Năm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Thêu** – Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Trần Hồng Cẩm** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 678/2024/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hội" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 343/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Thái Kiều T**, sinh năm 1970, địa chỉ cư trú: Ấp G, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1977, địa chỉ cư trú: Ấp D, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1969, địa chỉ cư trú: Ấp G, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa: Bà T cùng với ông T1 có mặt, ông C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn: Bà **Thái Kiều T** trình bày:

Ông **Nguyễn Văn C** có tham gia 04 chung hội ở 03 dây hội do nguyên đơn làm chủ. Theo đó, dây hội thứ 01 mở ngày 20/8/2020 âl, loại hội 2.000.000 đồng,

có 26 chung, ông C tham gia 02 chung; đây hội thứ 2 mở ngày 09/11/2020 âl, loại hội 2.000.000 đồng, có 23 chung, ông C tham gia 01 chung; đây hội thứ 3 mở ngày 16/4/2021 âl, loại hội 2.000.000 đồng, có 24 chung, ông C tham gia 01 chung. Sau đó, đến ngày 10/3/2023 âl ông C ký giấy nhận nợ và thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền hội là 37.000.000 đồng, ông C có gửi trả được 8.000.000 đồng, còn nợ lại nguyên đơn số tiền 29.000.000 đồng. Nay, bà Thái Kiều T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn C trả số tiền 29.000.000 đồng.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn C** trình bày:

Thông nhất với ý kiến trình bày của bà T về quá trình chơi hội. Như vậy, đến ngày 10/3/2023 âl còn thiếu tiền hội của bà T là 37.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà T tính lãi và bắt buộc bị đơn trả lãi như sau: $37.000.000 \text{ đồng} = 1.480.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} = 17.760.000 \text{ đồng}$, cộng với số tiền 37.000.000 đồng = 54.760.000 đồng. Bị đơn có chuyển khoản 02 lần (ngày 15 và ngày 19/9/2023), gửi trả cho bà T tổng cộng 48.762.000 đồng, còn nợ bà T 6.000.000 đồng. Bà T tính lãi và yêu cầu bị đơn trả nhưng bị đơn không đồng ý, dẫn đến cãi nhau với bà T. Đến ngày 03/12/2023 và ngày 04/02/2024 bị đơn có đưa tiền mặt cho bà T tổng cộng 4.000.000 đồng. Tổng số tiền bị đơn đưa cho bà T là 52.762.000 đồng, chỉ còn nợ bà T 2.000.000 đồng, bị đơn đồng ý trả.

Tại phiên tòa ngày 30/8/2024:

- Bà T xác định: Ông C cho rằng nguyên đơn có bắt buộc ông C phải tính lãi đối với số tiền 37.000.000 đồng là không có. Thực tế, ông C có chuyển khoản số tiền 48.762.000 đồng là đúng, nhưng đây không phải là khoản tiền ông C gửi trả tiền hội, mà ông C gửi trả tiền ông C mua lúa của vợ chồng nguyên đơn. Ngoài 02 lần (ngày 15 và ngày 19/9/2023) chuyển khoản trả tiền lúa này, thì ông C còn chuyển khoản 02 lần khác vào các ngày 05 và ngày 07/3/2024 để trả tiền lúa cho vợ chồng nguyên đơn. Ngoài ra, ông C cho rằng ngày 03/12/2023 và ngày 04/02/2024 ông C có gửi trả tiền mặt cho nguyên đơn tổng cộng 4.000.000 đồng là không có.

- Ông C xác định: Bị đơn xác định lại, là bị đơn có chuyển khoản trả cho bà T 48.762.000 đồng vào ngày 15 và ngày 19/9/2023 là trả tiền hội, không có trả tiền mua lúa như bà T trình bày.

- Tại Biên bản lấy lời khai đối với nguyên đơn bà **Thái Kiều T** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Văn T1** cùng trình bày:

Vợ chồng tôi (T, T1) có bán lúa cho ông C tổng cộng 02 lần.

Lần thứ 01: Vụ hè thu: Ngày 17/9/2023 dl, bán cho ông C 5.685 ký lúa x 7.200/kg = 40.932.000 đồng – 2.000.000 đồng tiền cọc = 38.932.000 đồng – 170.000 đồng (tiền cân lúa giùm) = 38.762.000 đồng. Ngày 15/9/2023 ông C có chuyển khoản 10.000.000 đồng, trong đó 2.000.000 đồng tiền ông C gửi cọc mua lúa, 8.000.000 đồng tiền ông C gửi trả tiền hội. Thì đến ngày 19/9/2023 ông C chuyển khoản trả tiền lúa còn thiếu của vợ chồng tôi (T, T1) là 38.762.000 đồng.

Lần thứ 02: Vụ đông xuân: Ngày 22/01/2024 âl – Ngày 02/3/2024 dl, bán cho ông C 8.595,8 ký lúa (trừ 18 ký bao) = 8.577,8 ký x 7.250/kg = 62.189.000 đồng. Ngày 05/3/2024 và ngày 07/3/2024 ông C có chuyển khoản gửi trả tiền lúa 02 lần tổng cộng 60.700.000 đồng, còn lại 1.489.000 đồng ông C tự trừ tiền cọc mà ông C đã đưa cho vợ chồng tôi (T, T1) trước đó không có làm giấy tờ.

Như vậy, đối với số tiền hội 37.000.000 đồng thì ông C đã chuyển khoản 10.000.000 đồng ngày 15/9/2023, trong đó có 2.000.000 đồng ông C gửi tiền đặt cọc mua lúa, 8.000.000 đồng ông C gửi trả tiền hội, nên ông C mới còn thiếu tiền hội là 29.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, do phía bị đơn là ông C vắng mặt, còn bà T và ông T1 có mặt, bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

***/ Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát như sau:**

1/ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

2/ Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T2, buộc ông C phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 29.000.000 đồng; về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về sự vắng mặt của đương sự: Đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần xét xử vắng mặt đối với bị đơn là ông C là phù hợp.

Về quan hệ pháp luật: Được xác định là “Tranh chấp hợp đồng góp hội”, đồng thời bị đơn là ông Nguyễn Văn C có cư trú ấp D, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Từ đó, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bà T khởi kiện yêu cầu ông C trả tiền hội là 29.000.000 đồng. Vì trước đây ông C là hội viên có tham gia 04 chung hội ở 03 dây hội do nguyên đơn làm chủ,

đến ngày 10/3/2023 thì ông C ký giấy nhận nợ và thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền là 37.000.000 đồng, ông C có chuyển khoản ngày 15/9/2023 gửi trả được 8.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 29.000.000 đồng. Đối với ông C tại phiên tòa hôm nay vắng mặt, nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày 30/8/2024 ông C có tham gia tố tụng và ông C xác định: Bị đơn (là ông C) có giao dịch hội do bà T làm chủ, đến ngày 10/3/2023 thì bị đơn (là ông C) có ký giấy thừa nhận nợ là 37.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông C cho rằng số tiền 37.000.000 đồng thì bà T tính lãi ra là 17.760.000 đồng cộng với 37.000.000 đồng tổng là 54.760.000 đồng, ông C có chuyển khoản trả cho bà T số tiền 48.762.000 đồng (vào ngày 15 và ngày 19/9/2023), còn lại 6.000.000 đồng. Số tiền này (6.000.000 đồng), bà T tính lãi và buộc ông C trả nhưng ông C không đồng ý. Ngoài ra ông C còn cho rằng, có trả bằng tiền mặt cho bà T là 4.000.000 đồng (ngày 03/12/2023 và ngày 04/02/2024), như vậy ông C chỉ còn thiếu bà T là 2.000.000 đồng.

Xét, bà T và T1 xác định có bán lúa cho ông C là 02 lần, cụ thể: Vụ hè thu: Ngày 17/9/2023 dl, bán cho ông C 5.685 ký lúa x 7.200/kg = 40.932.000 đồng – 2.000.000 đồng tiền cọc = 38.932.000 đồng – 170.000 đồng (tiền cân lúa giùm) = 38.762.000 đồng; ngày 15/9/2023 ông C có chuyển khoản 10.000.000 đồng, trong đó 2.000.000 đồng tiền ông C gửi cọc mua lúa, 8.000.000 đồng tiền ông C gửi trả tiền hội, đến ngày 19/9/2023 ông C chuyển khoản trả tiền lúa còn thiếu của vợ chồng bà là 38.762.000 đồng. Vụ đông xuân: Ngày 22/01/2024 al – Ngày 02/3/2024 dl, bán cho ông C 8.595,8 ký lúa (trừ 18 ký bao) = 8.577,8 ký x 7.250/kg = 62.189.000 đồng; ngày 05/3/2024 và ngày 07/3/2024 ông C có chuyển khoản gửi trả tiền lúa 02 lần tổng cộng 60.700.000 đồng, còn lại 1.489.000 đồng ông C tự trừ tiền cọc mà ông C đã đưa cho vợ chồng bà trước đó không có làm giấy tờ. Như vậy, đối với số tiền hội 37.000.000 đồng thì ông C đã chuyển khoản 10.000.000 đồng ngày 15/9/2023, trong đó có 2.000.000 đồng ông C gửi tiền đặt cọc mua lúa, 8.000.000 đồng ông C gửi trả tiền hội, nên ông C mới còn thiếu tiền hội là 29.000.000 đồng. Đối với ông C cho rằng bà T tính lãi số tiền 37.000.000 đồng, thành 54.760.000 đồng, ông C trả cho bà T được 48.762.000 đồng, trả tiền mặt cho bà T 4.000.000 đồng, còn nợ bà T là 2.000.000 đồng nhưng vấn đề này không được bà T thừa nhận, như vậy ông C không có cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh. Do đó, có cơ sở để xác định số tiền 48.762.000 đồng ông C chuyển khoản vào ngày 15 và ngày 19/9/2023 là khoản tiền mà ông C gửi trả cho bà T là tiền lúa mà các bên đã có giao dịch. Như vậy, khoản tiền hội còn lại mà ông C thiếu bà T là 29.000.000 đồng đến nay chưa trả, nên bà T khởi kiện yêu cầu ông C trả là có cơ sở để chấp nhận, buộc ông C trả cho bà T số tiền 29.000.000 đồng, theo đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở.

[3] Về án phí:

Đối với bà T: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện, bà T được nhận lại tiền tạm ứng án phí số tiền 725.000 đồng.

Đối với ông C: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 3, 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc ông C phải chịu án phí dân sự có giá ngạch số tiền 1.450.000 đồng ($29.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.450.000 \text{ đồng}$).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 471 của Bộ luật D sự 2015.

Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Kiều T, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn C phải có trách nhiệm trả cho bà Thái Kiều T số tiền 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày bà Thái Kiều T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn C không thi hành xong khoản tiền trên, thì ông Nguyễn Văn C còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2/ Về án phí:

Bà Thái Kiều T được nhận lại tiền tạm ứng án phí số tiền 725.000 đồng (Bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng), tại Biên lai thu số 5317 ngày 17/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà mau.

Buộc ông Nguyễn Văn C phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 1.450.000 đồng (Một triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

3/ Về quyền kháng cáo:

Bà Thái Kiều T và ông Nguyễn Văn T1 được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với ông Nguyễn Văn C được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thành Quang